

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2022.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đ Chung.

Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:

Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 639/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu S, sinh năm 1983.

- Bị đơn: Anh Đoàn Trí C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 540A, tổ 1, khu 12, xã L, huyện L, Đồng Nai.

(Chị S và anh C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Trí C tự nguyện tìm hiểu nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tâm, thị xã Tân An, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, làm ảnh hưởng đến cuộc sống cả gia đình. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là Đoàn Trần Ngọc Tr, sinh ngày 29/8/2004 và Đoàn Nguyễn Đ, sinh ngày 06/6/2011. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị S khai không có.

Chị S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 8 năm 2022 bị đơn anh Đoàn Trí C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị S tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tâm, thị xã Tân An, tỉnh Long An. Quá trình sống chung thời gian gần đây vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay chị S làm đơn xin ly hôn anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị S có hai con chung là Đoàn Trần Ngọc Tr, sinh ngày 29/8/2004 và Đoàn Nguyễn Đ, sinh ngày 06/6/2011. Anh đồng ý giao con cho chị S nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh C khai không có.

Anh C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu S và bị đơn anh Đoàn Trí C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đoàn Trí C có nơi cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, chị S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C. Đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tâm, thị xã Tân An, tỉnh Long An (nay là thành phố Tân An, tỉnh Long An) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 10 tháng 3 năm 2004 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, chị S và anh C có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị S xin ly hôn, anh C đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện để chị S và anh C đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của bị đơn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

Về con chung: Chị S và anh C có hai con chung là Đoàn Trần Ngọc Tr, sinh ngày 29/8/2004 và Đoàn Nguyễn Đ, sinh ngày 06/6/2011. Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Đoàn Trần Ngọc Tr đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu Đoàn Nguyễn Đ, chị S có yêu cầu được nuôi, anh C đồng ý giao cháu Đ cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn thống nhất được vấn đề nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Do đó, giao cháu Đoàn Nguyễn Đ, sinh ngày 06/6/2011 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị S nuôi con không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện Long Thành phù hợp chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Trần Thị Thu S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 277, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu S, xử cho chị S được ly hôn với anh Đoàn Trí C.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Nguyễn Đ, sinh ngày 06/6/2011 cho chị Trần Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời, anh Đoàn Trí C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006037 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị Trần Thị Thu S đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên